

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; trên cơ sở tham mưu của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 685/TTr-SNV ngày 18/12/2025 về việc ban hành Báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2025 được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, kể từ ngày 01/7/2025 tỉnh Thái Nguyên mới được thành lập, đi vào hoạt động trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, ngày 14/7/2025 Chủ tịch UBND đã ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2025¹, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể (25 nhiệm vụ trọng tâm) và chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch CCHC, tổ chức triển khai thực hiện bám sát các nội dung yêu cầu, đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

- Đến nay tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện 100% số nhiệm vụ trọng tâm đề ra (25 nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch năm 2025) như: Xây dựng và triển khai Kế hoạch đánh giá, xác định chỉ số CCHC; đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và tổ chức thực hiện; thành lập Đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy định đánh giá, xác định chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên; xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày

¹Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 14/7/2025 cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; triển khai mô hình Chính quyền thân thiện, nhân dân phát huy quyền làm chủ tại 100% UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; triển khai, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên phục vụ mô hình chính quyền 02 cấp...

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công nhằm tuyên truyền đầy đủ các nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC. Đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thực hiện CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

- Các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề phát trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, cụ thể: Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên đã thực hiện các chuyên mục, chuyên đề thực hiện 92 tin, bài, phản ánh, phóng sự liên quan đến công tác CCHC; Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 214 tin, bài viết, video clip, đối thoại trực tuyến; dẫn nguồn tin tức, sự kiện và các văn bản của tỉnh, của các bộ, ngành Trung ương; Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên đăng tải 68 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Các thông tin, tuyên truyền tập trung vào nội dung chính sách pháp luật, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp, duy trì và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh...

3. Kiểm tra công tác CCHC

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2025 nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong năm 2025, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức kiểm tra CCHC, công vụ tại 71 đơn vị, địa phương (trong đó, từ thời điểm ngày 01/7/2025 triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đã tổ chức kiểm tra tại 31 đơn vị, địa phương), tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức sau khi vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua kiểm tra, các đơn vị được kiểm tra đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ làm việc theo quy định, kịp thời giải quyết các TTHC cho người dân, việc giải quyết hồ sơ, công việc không bị gián đoạn, chậm trễ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:

Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, trong năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 91 nhiệm vụ, đến nay, đã thực hiện hoàn thành 88 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, đang triển khai thực hiện 03 nhiệm vụ (trong hạn), không có nhiệm vụ quá hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác tham mưu xây dựng, kiểm tra và rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, văn bản QPPL được tỉnh Thái Nguyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh²; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 05 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh³. Triển khai, thực hiện Công điện số 89/CD-TTg ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL; ban hành văn bản đề nghị hướng dẫn những vướng mắc trong quá trình áp dụng các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 02 cấp.

- UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng

²Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

³Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

khoá XIII (trong đó thống nhất với phương án hợp nhất tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, lấy tên là tỉnh Thái Nguyên). UBND tỉnh đã ban hành hai Quyết định và trình ban hành 02 Nghị quyết bãi bỏ văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh⁴ và các kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác xây dựng văn bản⁵.

- Công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL được quan tâm nâng cao về chất lượng, bảo đảm tính độc lập, khách quan, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, chú trọng các vấn đề về TTHC. Thông qua hoạt động thẩm định đã phát hiện nội dung chưa phù hợp, còn mâu thuẫn, chông chéo hoặc có phạm vi, đối tượng điều chỉnh chưa phù hợp, từ đó kiến nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện văn bản; các ý kiến thẩm định đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo hoặc nghiêm túc nghiên cứu, phản biện và giải trình phù hợp. Từ 01/7/2025 đến nay, Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định 105 dự thảo (53 Quyết định, 52 Nghị quyết), HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 74 văn bản QPPL (43 Nghị quyết, 31 Quyết định).

1.2. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản

- UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp rà soát danh mục các văn bản, rà soát việc phân giao nhiệm vụ để triển khai các hoạt động theo mô hình chính quyền 02 cấp đảm bảo vận hành ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền. Tổ chức thực hiện rà soát văn bản QPPL để đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả rà soát các văn bản QPPL của tỉnh chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy; báo cáo Bộ Tư pháp về kết quả rà soát, lập danh mục và tự kiểm tra theo chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ mục tiêu phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2025. Tổ chức rà soát văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh, kết quả rà soát: Tổng số văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ⁶ 756 văn bản (bao gồm 251 Nghị quyết, 505 Quyết định).

⁴ Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (cũ), Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn (cũ); Nghị quyết số 273/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên (cũ), Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ).

⁵ Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh (Số 28/KH-UBND ngày 14/8/2025); Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL” trên địa bàn tỉnh (Số 35/KH-UBND ngày 20/8/2025); Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 05 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh (Số 45/KH-UBND ngày 30/8/2025).

⁶Trong đó: 127 nghị quyết và 253 quyết định của tỉnh Thái Nguyên (cũ) ban hành; 124 Nghị quyết và 252 Quyết định của tỉnh Bắc Kạn (cũ) ban hành.

- Triển khai thực hiện khảo sát phục vụ xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản QPPL theo Nghị quyết số 66-NQ/TW. Triển khai rà soát khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính, đầu tư; rà soát thỏa thuận quốc tế đã ký kết; cập nhật thường xuyên văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 05 tháng cuối năm 2025; Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh; ban hành văn bản uỷ quyền lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; ban hành văn bản báo cáo tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các văn bản về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ban hành Kế hoạch khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính năm 2025.

- Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật về chuyên mục đích sử dụng rừng; các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy và thực hiện khảo sát theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 đối với 200 đối tượng là người dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2025 cho hơn 600 cán bộ, công chức, viên chức, người có thẩm quyền xử phạt, tham mưu, thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và tiến hành khảo sát về thực tiễn triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Hoạt động PBGDPL được thực hiện chủ động với nhiều hình thức thu hút được đông đảo người dân tham gia, tiếp cận thông tin pháp luật nhanh chóng, tiện lợi và mang lại hiệu quả tích cực. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở; chuẩn

tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2025 - 2027"; Quyết định thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Thái Nguyên.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở; định hướng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, quán triệt, thông tin, truyền thông về Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở tại một số xã trên địa bàn tỉnh; tổ chức tọa đàm "Hoàn thiện thể chế về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030" và trao đổi, thảo luận về khó khăn, vướng mắc khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tổ chức các cuộc thi "Tìm hiểu pháp luật và chính sách cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi" tỉnh Thái Nguyên; "Tìm hiểu quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025" trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả kiểm soát TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 và triển khai thực hiện Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 11/4/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, đồng thời rà soát TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính và tổ chức triển khai thực hiện. Trong năm 2025 (từ ngày 01/7/2025), Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 97 Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC với 1.583 TTHC (*công bố mới: 875 TTHC; bãi bỏ: 708 TTHC*); kịp thời cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt toàn bộ quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC với các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ngành làm cơ sở để xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của

cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; quản lý, vận hành, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia với Cổng thông tin điện tử và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Trong năm 2025, đã tiếp nhận và trả lời 164 phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức (140 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; 24 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính). Trong đó, trả lời và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đúng thời hạn: 150 phản ánh, kiến nghị. 14 phản ánh, kiến nghị đang trong thời hạn.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Sau gần 06 tháng vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cơ bản đã đi vào ổn định, việc vận hành tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp thông suốt, không gián đoạn. Đội ngũ công chức các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã nhanh chóng thích ứng và phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động sắp xếp công việc để phục vụ người dân, giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn và hiệu quả hơn. 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc các xã, phường bố trí đầy đủ các bộ phận, bảo đảm tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền, bố trí cán bộ, công chức chuyên môn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Đến hết ngày 15/12/2025, tổng số hồ sơ tiếp nhận của tỉnh Thái Nguyên là 348.700 hồ sơ, trong đó, số hồ sơ đã giải quyết là 337.045, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,95%.

- Kết quả triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên đến ngày 15/12/2025, điểm tổng hợp đạt 93,96/100 điểm; xếp thứ 06/34 tỉnh, thành phố, trong đó: Điểm số trực nội dung Công khai minh bạch đạt 15,61/18 điểm; điểm số trực nội dung Tiến độ giải quyết đạt 19,62/20 điểm; điểm số trực nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt 20,14/22 điểm; điểm số trực nội dung Mức độ hài lòng 17,48/18 điểm; điểm số trực nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt 21,46/22 điểm. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành tập trung rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên rà soát để kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, tái cấu trúc quy trình TTHC để thực hiện Dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Về hoàn thiện, ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị

Ngay từ khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh ban hành 14 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh. Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng các Bộ chuyên ngành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về các lĩnh vực thuộc các phòng chuyên môn cấp xã và nghị quyết thành lập phòng chuyên môn của Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp xã, UBND các xã, phường đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn theo quy định, đảm bảo đi vào hoạt động ngay sau khi thành lập. Đến nay, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã cơ bản đi vào hoạt động ổn định, thông suốt, không gián đoạn, kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm không bỏ sót nhiệm vụ.

3.2. Về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy

- Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng hướng dẫn, văn bản chỉ đạo của Trung ương. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên có 14 sở, ban, ngành⁷ thuộc UBND tỉnh với 239 đầu mối thuộc sở, ngành (gồm 89 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, 11 chi cục, 139 đơn vị sự nghiệp công lập), giảm 14/28 sở, ngành tương ứng giảm 50%, giảm 156/398 đầu mối, tương ứng giảm 39,01%; giảm 05/12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, tương ứng giảm 41,67%.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, tính đến ngày 10/11/2025, tỉnh Thái Nguyên hiện có 1.119 đơn vị:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh: 06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; giảm 06/12 đơn vị, tương ứng giảm 50%;

+ Đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính: 139 đơn vị. giảm 28/167 đơn vị, tương ứng giảm 16,76%;

+ Đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục: 04 đơn vị;

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã: 970 đơn vị (92 Trung tâm dịch vụ tổng hợp; 13 Ban Quản lý dự án, Trung tâm thương nghiệp (tự chủ); 865 trường học.

⁷Các sở, ban, ngành: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Y tế; Dân tộc và Tôn giáo; Văn phòng UBND tỉnh; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp; Công Thương; Thanh tra tỉnh.

- Toàn tỉnh có 92 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 208 đơn vị tương ứng giảm 69,33%. Ngay sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, 100% đơn vị hành chính cấp xã đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công, bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

- Thực hiện Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Công văn số 145/CV-BCĐ ngày 08/10/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về việc kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương; Công văn số 20/CV-BCĐ ngày 17/10/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về thành lập đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã. Việc tổ chức lại, thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp (*là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cung ứng các dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực, gồm: văn hoá, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, môi trường, khuyến nông, đô thị...*) đã được 92/92 xã, phường thực hiện theo đúng quy định và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Tính đến ngày 05/12/2025, có 13/92 xã, phường có nhu cầu thành lập Ban Quản lý dự án, trong đó có 07 xã, phường đã ban hành Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các xã, phường còn lại đã bổ sung chức năng, nhiệm vụ quản lý dự án vào Trung tâm Dịch vụ tổng hợp. Hiện nay, các Ban Quản lý dự án cấp xã đang sắp xếp bố trí nhân sự có năng lực quản lý dự án thực hiện chức năng quản lý dự án trên địa bàn. Tại Thông báo số 194/TB-UBND ngày 04/12/2025, UBND tỉnh đã giao các Ban Quản lý dự án của tỉnh đến ngày 15/01/2026 thực hiện công tác bàn giao nhiệm vụ quản lý cho các chủ đầu tư cấp xã để tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

3.3. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

3.3.1. Số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc tạm giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương năm 2025

a) Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 về tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025. Căn cứ các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập, bố trí biên chế viên chức cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã để thực hiện nhiệm vụ, UBND tỉnh đã trình HĐND ban hành Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày

01/7/2025 của HĐND tỉnh, trong đó điều chỉnh số lượng người làm việc giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm số lượng người làm việc theo vị trí việc làm⁸.

b) Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc tạm giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức hội năm 2025 là 41.106 biên chế trong đó:

- Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh: 2.080 biên chế.

- Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp xã: 4.930 biên chế.

- Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 34.005 người làm việc, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 9.233 người làm việc, bao gồm: sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 3.617 người; sự nghiệp y tế: 4.247 người; sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao: 296 người; sự nghiệp khác: 1.073 người;

+ Cấp xã: 24.772 người làm việc, bao gồm: sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 23.979 người; sự nghiệp khác: 793 người.

- Số lượng người làm việc tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 91 người.

Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành quyết định giao biên chế và chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định hiện hành.

3.3.2. Số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc có mặt: Tổng số cán bộ, công chức, số lượng người làm việc là 37.545 người, trong đó:

a) Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh có mặt là 1.536 người, số biên chế chưa có mặt 544 biên chế;

b) Biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp xã, có mặt 3.420 người, số biên chế chưa có mặt 1.510 biên chế;

c) Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Cấp tỉnh: có mặt là 8.781 người làm việc, số chưa có mặt 452 người;

- Cấp xã: có mặt 23.748 người làm việc, số chưa có mặt 1.024 người.

d) Số lượng người làm việc các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có mặt 60 người làm việc, số chưa có mặt là 31 người.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương hiện còn số biên chế chưa sử dụng, tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức, điều động, tiếp nhận công chức, tiếp nhận vào làm công chức; xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức,

⁸ Theo Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan tổ chức trong hệ thống chính trị.

tiếp nhận viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức để bổ sung nguồn lực cho đơn vị bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.4. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

- UBND tỉnh đã triển khai, chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương đã phổ biến, quán triệt nội dung các Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; đến nay, các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đã được UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đầy đủ, toàn diện, kịp thời theo đúng quy định; việc phân định thẩm quyền các lĩnh vực quản lý nhà nước khi bỏ chính quyền cấp huyện được chuyển về cấp tỉnh hoặc phân cấp về cấp xã đã được quy định trong các Nghị định của Chính phủ khá rõ ràng, đầy đủ và có tính khả thi để thực hiện ở cấp xã. Các cấp, các ngành thường xuyên rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, chủ động tháo gỡ những khó khăn thuộc thẩm quyền và kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh văn bản pháp luật hoặc hướng dẫn các cơ quan, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo sắp xếp, tinh gọn bộ máy, rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, kịp thời báo cáo đề nghị điều chỉnh, cập nhật các văn bản pháp luật bảo đảm phù hợp với các quy định mới và thực tiễn tại địa phương khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành chủ động rà soát, đánh giá năng lực, khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ở các lĩnh vực, trên cơ sở đó tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND xem xét phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp xã, qua đó các cơ quan, địa phương đã nêu cao khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và chủ động trong quá trình triển khai thực hiện. Nội dung phân cấp, ủy quyền phù hợp với định hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp, góp phần tạo sự linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành giúp giảm tải công việc cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, phát huy vai trò, tăng tính chủ động của cơ quan, cá nhân được phân cấp, ủy quyền, rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ, giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

- Từ 01/7/2025 đến ngày 15/12/2025, HĐND, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 65 quyết định phân cấp, ủy quyền, quy định các cơ chế, chính sách để triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh, đồng thời bảo đảm nguồn lực cho các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo quy định. Đối với một số nội dung đã được ban hành nhưng không còn phù hợp, hoặc đã được quy định ở văn bản phân cấp thì thực hiện bãi bỏ các để bảo đảm phù hợp với các văn bản QPPL mới được ban hành.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức

- Tỉnh Thái Nguyên đã chủ động phân công, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm năng lực của cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sau sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện điều động, tiếp nhận vào làm công chức, biệt phái viên chức thực hiện nhiệm vụ công chức từ tỉnh về cấp xã, từ cấp xã thừa sang cấp xã thiếu, cử công chức, viên chức ở cấp tỉnh tăng cường về cấp xã là 342 người (trong đó có 75 chuyên ngành về kế toán, 30 chuyên ngành về chuyển đổi số, 15 chuyên ngành địa chính, 14 chuyên ngành xây dựng; chuyên môn khác).

- Trên cơ sở đó, số lượng, chất lượng cán bộ, công chức tại các xã, phường cơ bản đã đầy đủ, cân đối giữa các địa bàn và đáp ứng khá tốt yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ công chức tại các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã được bố trí đúng chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng dẫn tại Công văn số 11/VB-BCĐ ngày 04/6/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ về việc hướng dẫn tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã mới và Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 của Bộ Nội vụ về việc phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã.

4.2. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ đã bám sát các văn bản định hướng, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các quyết định ủy quyền việc xây dựng, phê duyệt, ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm công chức theo ngành lĩnh vực.

- Đến nay, 100% sở, ngành đã xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo ngành, lĩnh vực; tổ chức được 577 lớp bồi dưỡng, tập huấn với hình thức trực tiếp và trực tuyến cho 65.568 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng, tập huấn (riêng từ 01/7/2025 đến nay tổ chức được 309 lớp bồi dưỡng, tập huấn với hình thức trực tiếp và trực tuyến cho 43.550 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng). Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn do các Bộ, ngành tổ chức theo các Quyết định, Kế hoạch của đơn vị chủ trì. Nhằm thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã sát thực tiễn, Sở Nội vụ đã báo cáo Thường trực Tỉnh

ủy nội dung đề nghị phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức xã nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ xã chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Về cơ bản, các nội dung bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sau sắp xếp bám sát hướng dẫn của các Bộ, ngành và yêu cầu thực tiễn của địa phương.

4.3. Thực hiện chế độ chính sách

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tỉnh Thái Nguyên quan tâm, triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về việc hưởng chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên: 136 người. Kinh phí thực hiện trên 45,13 tỷ đồng.

- Theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế: 1.398 người. Kinh phí thực hiện trên 196,76 tỷ đồng.

- Theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025, việc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu trước tuổi, thôi công tác do sắp xếp được giải quyết đúng quy định, bảo đảm quyền lợi và tạo sự đồng thuận trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy: 3.005 người (bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mới). Kinh phí thực hiện trên 3 nghìn tỷ đồng.

- Theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ: 215 người. Kinh phí thực hiện trên 21,2 tỷ đồng.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tổ chức triển khai thực hiện

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản; thực hiện sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; rà

soát công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng, khai thác có hiệu quả, tránh lãng phí: hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy; hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch di chuyển trụ sở, cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính.

- Thực hiện sáp nhập tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Thái Nguyên đã kịp thời thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp cho 3.005 người, hỗ trợ công chức công tác xa nhà với mức 04 triệu đồng/tháng.

5.2. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

- Công tác quản lý tài chính - ngân sách được thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản: Thu ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025 (tính đến thời điểm 15/12/2025) đạt 22.266 tỷ đồng, bằng 96% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao và đạt 83,9% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh giao. Thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2025 (tính đến thời điểm 15/12/2025) đạt 28.209 tỷ đồng, bằng 108,9% dự toán TTCP giao và bằng 88,2% dự toán HĐND tỉnh giao; chi ngân sách đáp ứng kịp thời kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đảm bảo theo dự toán được giao và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đơn vị.

5.3. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công

- Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên chủ động hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các địa phương đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao: 9.003.480 triệu đồng; số vốn kế hoạch do địa phương giao trên địa bàn toàn tỉnh: 13.503.795 triệu đồng (Trong đó: kế hoạch vốn năm 2025 là 11.901.300 triệu đồng; kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện giải ngân là 1.602.495 triệu đồng). Kết quả giải ngân vốn đầu tư công: Lũy kế giải ngân đến ngày 15/12/2025: 9.288.711/13.503.795 triệu đồng, bằng 69% so với kế hoạch giao, (trong đó, giải ngân vốn kế hoạch năm là 8.339.861 triệu đồng, đạt 93% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 70% so với kế hoạch vốn địa phương triển khai). Thái Nguyên là một trong các tỉnh, thành phố có số giải ngân đạt trên bình quân chung cả nước

(tỷ lệ giải ngân cả nước đến ngày 11/12/2025 tháng đạt 63,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL

Thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Đồng thời, tiếp tục cho ý kiến đối với 100% các văn bản xin ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các cơ quan. Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 1.102 đơn vị, trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 55 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 116 đơn vị;
- + Số đơn vị nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 930 đơn vị.

5.5. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

5.5.1. Số liệu về tài sản công là nhà, đất trước khi sắp xếp

Tại thời điểm 01/01/2025, tổng số cơ sở nhà, đất là 3.091 cơ sở nhà, đất, trong đó: tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) có 1.716 cơ sở nhà, đất, tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) có 1.374 cơ sở nhà, đất. UBND tỉnh Thái Nguyên đã giao Sở Tài chính tham mưu triển khai Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 03/10/2025 của Chính phủ (liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công), trong đó đề nghị các cơ quan đơn vị khôi tỉnh; các xã phường rà soát, tổng hợp các cơ sở nhà đất đang được giao quản lý, sử dụng.

5.5.2. Việc sắp xếp, xử lý tài sản công sau sắp xếp

- Thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sáp nhập) đã ban hành 02 Quyết định (Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp trụ sở làm việc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 09/6/2025); UBND tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập) đã ban hành Quyết định (Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 về phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính) theo các văn bản hướng dẫn

của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan, thời gian ban hành đảm bảo theo Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025 của Ban chấp hành Trung ương về thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính và đảm bảo tiến độ, yêu cầu theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản, đảm bảo phục vụ hoạt động ngay khi sắp xếp đơn vị hành chính. Sau khi sáp nhập tỉnh UBND tỉnh đã tham mưu cho Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án sắp xếp, bố trí xử lý tài sản công và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại Kết luận số 74-KL/TU ngày 22/8/2025.

- Tổng số cơ sở nhà đất thuộc phương án xử lý, sắp xếp nhà đất đã được UBND tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn (trước sáp nhập) phê duyệt là 748 cơ sở, đến nay, còn 27 cơ sở nhà đất tiếp tục chưa hoàn thành các thủ tục giao, điều chuyển theo phương án xử lý theo quy định. Đối với các cơ sở nhà đất các cơ quan, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng đã chuyển giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý, xử lý là 63 cơ sở (không bao gồm các cơ sở đất thu hồi theo Luật Đất đai đã giao cho Trung tâm quản lý) trong đó trước sắp xếp đơn vị hành chính là 12 cơ sở; sau sắp xếp đơn vị hành chính là 51 cơ sở.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện⁹. Đồng thời tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng, dữ liệu xây dựng chính quyền số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng tạo hạ tầng kết nối an toàn, ổn định cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính và

⁹Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030; Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 26/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/9/2025 triển khai thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030" trên địa bàn tỉnh.

các sở, ngành, xã, phường trên địa bàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, là nền tảng quan trọng để xây dựng hạ tầng Chính phủ số, tạo sự kết nối và đồng bộ dữ liệu giữa các cấp, các ngành.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay đạt trên 7,3 triệu giao dịch.

6.3. Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thái Nguyên được tổ chức lại theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, xử lý văn bản điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của tỉnh (*hiện tại đã cấp 18.019 tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức tại 148 cơ quan nhà nước ở cả 2 cấp tỉnh, xã*). Từ 01/7/2025 đến nay, 100% văn bản gửi/nhận đều bản điện tử, hệ thống đã có trên 750 nghìn lượt gửi, nhận văn bản (tổng số văn bản đến là 657.703 văn bản; tổng số văn bản đi là 99.652 văn bản).

- Chứng thư chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: Đến nay, toàn tỉnh hiện có 35.231 chứng thư số hoạt động, trong đó 3.971 chứng thư số tổ chức, 31.260¹⁰ chứng thư số cá nhân.

6.4. Kết quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 đảm bảo đúng quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC các cấp phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VNeID tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Thực hiện tích hợp 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg

¹⁰ Số liệu trên hệ thống cổng dịch vụ công của Ban Cơ yếu Chính phủ ngày 07/9/2025.

ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VNeID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, 100% người dân, doanh nghiệp đã được cấp định danh và xác thực điện tử đều có thể đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Về cấp đổi Thẻ đảng viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại địa bàn tỉnh, đến hết ngày 30/8/2025, đã có 130.572/138.836 đảng viên được thu nhận thông tin đổi Thẻ đảng viên, đạt tỷ lệ 94,05%; Cấp định danh điện tử mức độ 2 cho công dân trên 14 tuổi, đã thu nhận, kích hoạt tổng số 1.128.306/1.175.656 trường hợp đạt tỷ lệ 96,0%; về cấp định danh tổ chức, tổng số Doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn 92 xã, phường là 7.219 đơn vị, tính đến ngày 10/12/2025 đã đăng ký được 6.878 đạt tỉ lệ 95%.

6.5. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

- Tính đến ngày 15/9/2025, tỉnh Thái Nguyên cung cấp 2.128 TTHC. Số lượng TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 1.089; số lượng TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 1.060, số lượng TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần là 1.029, số lượng TTHC đang kiểm thử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 39¹¹.

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận từ 01/7/2025 đến 14/12/2025 trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: 425.973 hồ sơ (trong đó: tổng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến là 355.816 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 83,53%; tổng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 69.624 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 16,34%; tổng hồ sơ tiếp nhận qua BCCI là 526 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 0,12%).

6.6. Triển khai ứng dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện các ứng dụng số phục vụ các nhu cầu của người dân hiệu quả như: Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, sổ sức khỏe điện tử, sổ bảo hiểm xã hội điện tử... 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD/CC gắn chip điện tử. Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt

¹¹ Số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày 14/12/2025

trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết TTHC; thiết lập thêm nhiều kênh cung cấp thông tin về giải quyết TTHC như cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng Dịch vụ Công quốc gia qua các ứng dụng mạng xã hội, ứng dụng số của tỉnh như: Ứng dụng công dân số C-Thainguyen, xã hội số Thainguyen-ID...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC của tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm; các đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh.

- UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành văn bản cụ thể hóa các chủ trương chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã, phường đã thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng quy định, đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn. Đội ngũ cán bộ, công chức các cấp nhanh chóng thích ứng với mô hình chính quyền mới. Triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và 92/92 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được thành lập theo quy định và hoạt động hiệu quả, cung cấp đầy đủ dịch vụ công, nâng cao chất lượng phục vụ, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt rất cao. Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ và thứ hạng tốt (xếp thứ 06/34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc).

- Công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC được thực hiện thường xuyên; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, có trách nhiệm, tận tụy, tận tâm trong thực thi công vụ.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được những kết quả quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo hệ thống hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế số và mang lại lợi ích, thuận tiện và hiệu quả hơn trong tiếp cận các dịch vụ công và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc phân bổ cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị cấp xã chưa đồng đều, chủ yếu tập trung tại các xã, phường trung tâm, một số địa phương còn thiếu cán bộ, công chức ở các vị trí việc làm như kế toán, địa chính, công nghệ thông tin nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn.

- UBND cấp xã được phân cấp, phân quyền thêm nhiều nhiệm vụ mới do đó việc triển khai có nơi còn lúng túng, một số địa phương còn chậm triển khai, báo cáo chưa kịp thời theo chỉ đạo của cấp trên. Tại các xã có địa bàn rộng, dân số đông, khối lượng công việc, hồ sơ TTHC rất lớn, công chức phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc nên có lúc quá tải, có nơi còn để tình trạng hồ sơ TTHC quá hạn.

- Một số trụ sở làm việc xuống cấp, còn thiếu phòng làm việc. Mặc dù đã được đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, bố trí các phân khu chức năng, tuy nhiên có những thời điểm quá tải do người dân, doanh nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cùng thời điểm; còn có hồ sơ TTHC chưa kịp thời xử lý từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh mới triển khai từ ngày 01/7/2025 nên có thời điểm vận hành chưa ổn định, còn có lỗi về kỹ thuật.

- Hạ tầng truyền dẫn tại địa bàn vùng sâu, vùng xa được đầu tư, tuy nhiên chưa đồng bộ, việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn gặp nhiều khó khăn; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự thuận lợi cho người dân, tổ chức. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn có người dân chưa có điện thoại thông minh; một số ít thôn chưa có điện lưới quốc gia, chưa có sóng di động 3G/4G/5G.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Văn phòng Chính phủ

Đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật để Cổng Dịch vụ công Quốc gia chia sẻ dữ liệu kết quả đánh giá với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để kết nối, tái sử dụng dữ liệu trong việc tổng hợp, công khai cho tổ chức, cá nhân theo dõi đồng thời để thuận tiện truy xuất dữ liệu để địa phương chủ động có giải pháp khắc phục các điểm chỉ số còn thấp.

2. Bộ Nội vụ

Có quy định, hướng dẫn cụ thể đối với quy định quản lý, sử dụng cán bộ hiện nay chưa được quy định rõ nên các địa phương gặp nhiều vướng mắc, ví dụ: trường hợp cán bộ xin thôi giữ chức vụ bầu cử hoặc bầu không trúng hoặc bị bãi nhiệm (khái niệm về bãi nhiệm không còn được quy định trong Luật Cán bộ, công

chức hiện hành) thì việc bố trí, sắp xếp trở thành công chức như thế nào, có đương nhiên trở thành công chức hay không.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

2. Quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

3. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công Dịch vụ công Quốc gia và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

4. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, bãi bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết, giảm thời gian/chi phí tuân thủ trong năm 2026.

5. Triển khai có hiệu quả Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố; các chương trình, kế hoạch của tỉnh về việc thực hiện các Nghị định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

7. Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

8. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC; thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng theo vị trí việc làm, theo ngành lĩnh vực.

9. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực thi công vụ, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, HCTC, HCC.

Anhntk.12/2025

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	21	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	25	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
3	Kiểm tra CCHC		0	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	28	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	9	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	9	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	91	
4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	88	
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6900	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	74	43 Nghị quyết; 31 Quyết định
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	63	32 Nghị quyết; 31 Quyết định
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	756	- Văn bản của tỉnh Thái Nguyên (cũ): 380 văn bản.
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	- Văn bản tỉnh Bắc Kạn (cũ): 376 văn bản.
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	100	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	100	
III. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)				
1	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	8	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	875	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	708	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.128	85 TTHC dùng chung cho 2 cấp
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.831	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	382	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	Thủ tục	100	

2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	2.088	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.95%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	23.395	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	23.384	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.95%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	313.750	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	313.585	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	91.46%	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	164	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	150	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	14 sở, ngành (bao gồm Ban quản lý các KCN)
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	92 đơn vị cấp xã
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.119	
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	139	
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	970	
2	Số liệu về biên chế công chức			

2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	7.010	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	4.950	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2.265	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.005	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	32.529	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
V. Cải cách chế độ công vụ				
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	137	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	161	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	

4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	93	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	9.003.480	Số liệu đến ngày 15/12/2025
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	8.339.861	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.102	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	55	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	116	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	930	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	

5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	97,3	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1.089	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1.060	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	92,1	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1.112	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1.024	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	99,6	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	357.202	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	355.773	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	96,24	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	402.771	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	387.626	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	910	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia.	Thủ tục	910	